

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
và cấp dưỡng nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền
- Ông Vũ Văn Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ C, Khóm D, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2024, nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ H trình bày tóm tắt như sau: Chị và anh Nguyễn Văn B tự tìm hiểu, quen biết và quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 05/3/2018. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Khởi M, sinh ngày 29/5/2017 và Nguyễn Thiên K, sinh ngày 20/9/2019. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B đi làm ăn xa ở Thành phố Hồ Chí Minh, ít khi về thăm vợ con, anh

**B** lại hay cờ bạc, không gởi tiền về chăm lo vợ con, nên hai vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau. Từ đầu năm 2023, thì vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị **H** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh **B**. Khi ly hôn, chị **H** yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng là 5.000.000đ. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H** xác định hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/6/2024 và biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 24/6/2024, chị **H** có thay đổi yêu cầu khởi kiện liên quan đến mức cấp dưỡng nuôi con là: Chị **H** yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng tháng là 900.000đ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là anh **Nguyễn Văn B** thể hiện yêu cầu ly hôn của chị **H** cũng như nội dung liên quan đến quyền nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, nhưng anh **B** không có ý kiến trình bày nào gởi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện của chị **H**.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn là anh **Nguyễn Văn B** không tham gia phiên họp, không tham gia phiên hòa giải. Nguyên đơn là chị **Nguyễn Thị Mỹ H** có đơn đề nghị không hòa giải, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Chị **H** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **B** đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa mà vắng vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa các bên, thấy rằng: Chị **Nguyễn Thị Mỹ H** và anh **Nguyễn Văn B** kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 05/3/2018, nên quan hệ hôn nhân của chị **H** và anh **B** là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị **H** thấy rằng: Chị **H** xác định vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, nên cả hai đã không còn sống chung với nhau từ năm 2023 đến nay, nên mới khởi kiện xin ly hôn với anh **B**. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là anh **Nguyễn Văn B** thể hiện yêu cầu ly hôn của chị **H** cũng như nội dung liên quan đến quyền nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, nhưng anh **B** không có ý kiến trình bày nào gởi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện của chị **H**. Điều đó cho thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **H** đối với anh **B**.

[2.3] Về quyền nuôi con chung: Chị **H** xác định từ năm 2023, khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, thì chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Khởi M**, sinh ngày 29/5/2017 và **Nguyễn Thiên K**, sinh ngày 20/9/2019. Cháu **Khởi M** có bản khai thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với mẹ là chị **H**. Do anh **B** không có ý kiến trình bày nào gửi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu nuôi con chung của chị **T**, nên để đảm bảo tính ổn định, phát triển bình thường của cháu **Khởi M** và cháu **Thiên K**, Hội đồng xét xử quyết định cho chị **H** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu **Khởi M** và cháu **Thiên K**.

[2.4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình thì “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Trong trường hợp này, anh **B** là cha của cháu **Khởi M** và cháu **Thiên K**, không trực tiếp nuôi 02 cháu, nên có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi cháu **Khởi M** và cháu **Thiên K**.

[2.5] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ban đầu khi khởi kiện chị **H** có yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng là 5.000.000đ, sau đó lại thay đổi thành yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng tháng là 900.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo quy định tại Điều 106 Luật Hôn nhân và Gia đình thì mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nhưng trong trường hợp cụ thể này, anh **B** không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con, nên cần áp dụng quy định của pháp luật để quyết định về mức cấp dưỡng. Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì “*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc học tập nuôi dưỡng của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định như không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*”. Theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ thì mức lương tối thiểu vùng tại nơi cư trú của anh **B** (huyện **T**, tỉnh **Long An** là vùng IV) là 3.450.000đ/tháng. Như vậy, mức cấp dưỡng mà anh **B** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Khởi M** và cháu **Thiên K** sẽ không được thấp hơn 1.7250.000đ/tháng cho mỗi cháu. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, cháu **Khởi M** và cháu **Thiên K** đều đang sinh sống với chị **H** tại thành phố **C**, tỉnh **Đông Tháp**, nơi có giá cả sinh hoạt cao hơn huyện **T**, tỉnh **Long An**, nên cần buộc anh **B** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Khởi M** và cháu **Thiên K** ở mức 2.000.000đ/tháng cho mỗi cháu mới phù hợp thực tế, đảm bảo được quyền lợi, nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

[2.5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn **Nguyễn Thị Mỹ H** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn **Nguyễn Văn B** phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 106 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Mỹ H** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn B**.

2. Về quyền nuôi con chung: Chị **Nguyễn Thị Mỹ H** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên: **Nguyễn Khởi M**, sinh ngày 29/5/2017 và **Nguyễn Thiên K**, sinh ngày 20/9/2019, đều đang do chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh **Nguyễn Văn B** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là **Nguyễn Khởi M** và **Nguyễn Thiên K**, cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2024 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

4. Anh **Nguyễn Văn B** có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh **B** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **H** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **B** theo quy định của pháp luật. Chị **H** cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của anh **B**.

5. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì chị **H**, anh **B**, người thân thích của cháu **Khởi M** và cháu **Thiên K**, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền

yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

7.1. Chị **Nguyễn Thị Mỹ H** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị **H** đã nộp theo biên lai thu số 0003610 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thi hành án phí, nên chị **H** không phải nộp tiếp.

7.2. Buộc anh **Nguyễn Văn B** nộp 300.000đ án phí sung vào Ngân sách Nhà nước.

8. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Đương sự;
- UBND Phường 11, TP. Cao Lãnh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Trần Văn Khánh**